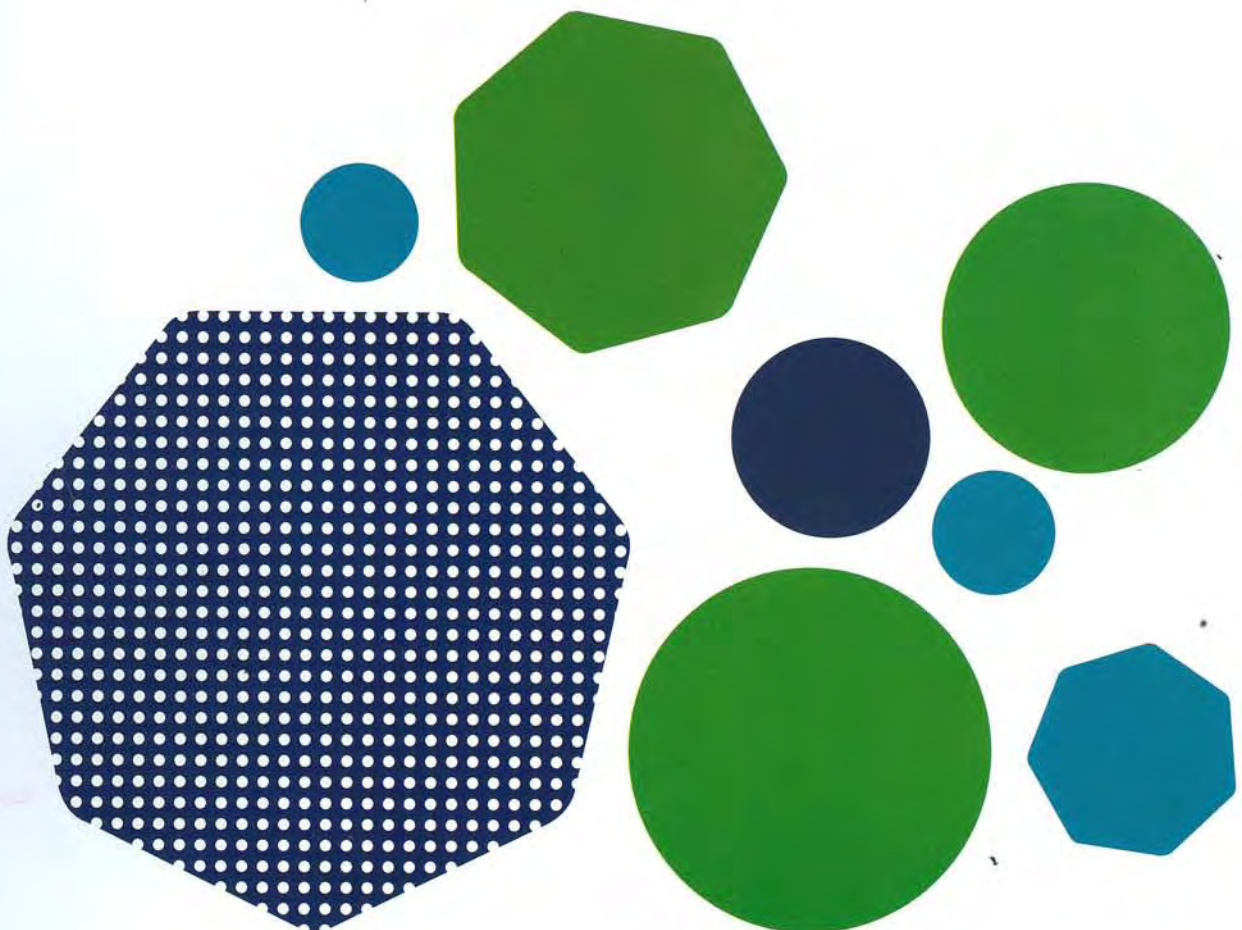


**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP TREO NÚI BÀ TÂY NINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 42



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 từ trang 06 đến trang 42 kèm theo.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch
Ông Trần Trung Kiên	Phó Chủ tịch
Ông Đặng Tấn Tài	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Vàng	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Lê Trung Dương	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Văn Hoàng	Trưởng ban (bỏ nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Võ Phước Hồng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26/05/2016)
Ông Lý Bình Hòa	Thành viên
Bà Trần Thị Hiền	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Trần Trung Kiên	Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Cường	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sinh	Phó Giám đốc

.Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trần Thị Song Giang.

**CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2016 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)****TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trần Trung Kiên**  
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2016



Số: *MO* /2016/UHYACAHCM-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh, được lập ngày 08/08/2016, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại ngày 30/06/2016, giá trị khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh là 1.843.000.000 đồng. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh. Do đó, chúng tôi chưa có đầy đủ bằng chứng để đánh giá lại giá trị của khoản mục này tại ngày 30/06/2016 cũng như những ảnh hưởng có liên quan đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
(TIẾP)**

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp treo Núi Bà Tây Ninh tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1496-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2016*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>163.713.992.372</b>	<b>105.734.662.553</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.163.664.278	6.644.760.935
Tiền	111		5.163.664.278	3.944.760.935
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.700.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	143.750.000.000	85.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		143.750.000.000	85.700.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.761.620.287	7.882.845.300
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	3.632.210.000	1.162.954.656
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.074.155.500	2.876.679.483
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.055.254.787	3.843.211.161
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	9	4.114.521.006	3.434.388.244
Hàng tồn kho	141		4.225.752.755	3.545.619.993
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(111.231.749)	(111.231.749)
Tài sản ngắn hạn khác	150		924.186.801	2.072.668.074
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	904.768.898	450.613.212
Thuế GTGT được khấu trừ	152		309.091	13.007
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	19.108.812	1.622.041.855
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>112.453.267.262</b>	<b>120.069.398.361</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		109.131.745.443	117.153.377.288
Tài sản cố định hữu hình	221	10	109.131.745.443	117.153.377.288
- Nguyên giá	222		230.001.251.612	228.465.353.805
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.869.506.169)	(111.311.976.517)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		827.662.326	411.192.544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	827.662.326	411.192.544
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	1.843.000.000	1.843.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		1.843.000.000	1.843.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		650.859.493	661.828.529
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	618.594.166	643.866.272
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		32.265.327	17.962.257
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>276.167.259.634</b>	<b>225.804.060.914</b>

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>11.854.829.257</b>	<b>11.372.083.295</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>11.854.829.257</b>	<b>11.372.083.295</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	932.000.957	1.633.603.453
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.576.423.184
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	7.558.308.073	-
Phải trả người lao động	314		1.759.332.158	4.971.927.064
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	1.183.919.653	66.555.713
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	161.326.634	15.090.909
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	70.779.200	2.230.583.095
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		189.162.582	877.899.877
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>264.312.430.377</b>	<b>214.431.977.619</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	18	<b>264.312.430.377</b>	<b>214.431.977.619</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		127.880.000.000	127.880.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		72.599.977.619	51.686.464.604
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63.832.452.758	34.865.513.015
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		63.832.452.758	34.865.513.015
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>276.167.259.634</b>	<b>225.804.060.914</b>

Tây Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

*Lâm Thị Ngọc Châu*

Lâm Thị Ngọc Châu

Kế toán trưởng

*Trần Thị Song Giang*

Trần Thị Song Giang

Giám đốc



*Trần Trung Kiên*

Trần Trung Kiên

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	109.347.360.495	116.607.516.845
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>109.347.360.495</b>	<b>116.607.516.845</b>
Giá vốn hàng bán	11	20	15.037.271.658	36.109.633.142
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>94.310.088.837</b>	<b>80.497.883.703</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.758.216.868	2.887.917.909
Chi phí tài chính	22	22	-	15.833.749
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	24	11.393.903.318	10.262.913.936
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	4.564.621.713	3.919.255.463
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>82.109.780.674</b>	<b>69.187.798.464</b>
Thu nhập khác	31	23	124.674.787	92.430.810
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>124.674.787</b>	<b>92.430.810</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>82.234.455.461</b>	<b>69.280.229.274</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	16.498.470.164	15.441.888.958
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	27	(14.303.070)	(194.958.518)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>65.750.288.367</b>	<b>54.033.298.834</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	5.012	4.111
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	5.012	4.111

Tây Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Lâm Thị Ngọc Châu*

*Trần Thị Song Giang*



Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/06/2016	đến 30/06/2015
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		82.234.455.461	69.280.229.274
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.557.529.652	9.393.878.554
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(3.758.216.868)	(2.887.917.909)
Chi phí lãi vay	06		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		88.033.768.245	75.786.189.919
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(578.867.293)	10.074.100.757
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(680.132.762)	38.160.665
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5.796.145.561)	(4.592.471.707)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(428.883.580)	(722.259.948)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.000.000.000)	(6.800.000.000)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.770.572.904)	(2.700.964.680)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		68.779.166.145	71.082.755.006
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.952.367.589)	(9.252.533.220)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(175.245.000.000)	(68.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		117.195.000.000	40.900.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.530.104.787	3.026.246.522
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(57.472.262.802)	(33.726.286.698)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.788.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		(12.788.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		(1.481.096.657)	37.356.468.308
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	6.644.760.935	29.906.427.701
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	5.163.664.278	67.262.896.009

Tây Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

*Lâm Thị Ngọc Châu*

*Trần Thị Song Giang*

*Trần Trung Kiên*

Lâm Thị Ngọc Châu

Trần Thị Song Giang

Trần Trung Kiên



Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa từ Bộ phận cáp treo của Công ty Du lịch Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh) theo Quyết định số 15/QĐ-CT ngày 10/01/2001 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4503000004 (số mới là 3900309621) ngày 11 tháng 01 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 9 ngày 01 tháng 12 năm 2014 về việc tăng vốn điều lệ.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 73/UBCK-GPNY ngày 15 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Kể từ ngày 05 tháng 10 năm 2009, Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận số 54/GCN-SGDHN ngày 05/10/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Kể từ ngày 14/01/2016, Công ty chuyển sang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 21/QĐ-SGDHCM ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 127.880.000.000 đồng được chia thành 12.788.000 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

#### **1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại và dịch vụ.

#### **1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Vận tải hành khách đường bộ khác. Cụ thể: vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Cụ thể: vận chuyển hàng hóa bằng phương tiện cáp treo;
- Quảng cáo;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Cụ thể: Đại lý ký gởi hàng hóa;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

#### **1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thường tập trung chủ yếu vào tháng 2, tháng 3 là những ngày Hội xuân.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG KỲ KẾ TOÁN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là vận chuyển du khách bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, khách hàng là người dân trong khu vực và khách du lịch.

Số lượng khách du lịch đến sử dụng dịch vụ của Công ty sẽ ảnh hưởng đáng kể đến doanh thu. Bên cạnh đó, du lịch đang phát triển và cạnh tranh mạnh mẽ sẽ cho khách hàng có nhiều lựa chọn hơn với chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty không có công ty con, các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỲ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

**2.1 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, ngoại trừ một số thay đổi do áp dụng chế độ kế toán mới theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

#### **4.1 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ vào Báo cáo tài chính của bên được đầu tư để xác định giá trị bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

#### **4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.3 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

**4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC*****Trả trước tiền thuê đất***

Trả trước tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước cho phần đất Công ty đang sử dụng để dựng pano quảng cáo. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

***Chi phí khác***

Chi phí khác thể hiện chi phí đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO và chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí sửa chữa nhà ga, chi phí thay cáp,... các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.5 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**4.6 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4.8 NGOẠI TỆ

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Tây Ninh tại thời điểm đầu mỗi tháng. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH*****Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

***Công nợ tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.10 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: Hoạt động vận chuyển, hoạt động quảng cáo và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Hoạt động chủ yếu của các bộ phận như sau:

- Bộ phận vận chuyển: Vận chuyển du khách và hàng hoá bằng phương tiện cáp treo, máng trượt, xe lửa.
- Bộ phận quảng cáo: Cho thuê quảng cáo trên vé và trên cabin cáp treo.
- Bộ phận kinh doanh bia: Đại lý phân phối bia.
- Bộ phận khác: Cho thuê mặt bằng, hoạt động khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.11 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh, Công ty con và Công ty liên kết do Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	426.753.000	202.757.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.736.911.278	3.742.003.935
Các khoản tương đương tiền (*)	-	2.700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.163.664.278</b>	<b>6.644.760.935</b>

(\*): Lệ tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6% - 5,1%/năm.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	143.750.000.000	143.750.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
a1) Ngắn hạn	143.750.000.000	143.750.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	143.750.000.000	143.750.000.000	85.700.000.000	85.700.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	28.800.000.000	28.800.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
+ Ngân hàng Công thương Tây Ninh	14.600.000.000	14.600.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
+ Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	27.700.000.000	27.700.000.000	9.300.000.000	9.300.000.000
+ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Tây Ninh	10.100.000.000	10.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	11.500.000.000	11.500.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
+ Ngân hàng Phát triển Tây Ninh	1.600.000.000	1.600.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM - CN Tây Ninh	19.050.000.000	19.050.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội Tây Ninh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bán Việt Tây Ninh	19.000.000.000	19.000.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
+ Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	5.500.000.000	5.500.000.000	-	-
a2) Dài hạn	-	-	-	-

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 5% - 6,9%.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 30/06/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.843.000.000	1.843.000.000	-	1.843.000.000	1.843.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	1.843.000.000	1.843.000.000	-	1.843.000.000	1.843.000.000	-
+ Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (**)	1.843.000.000	1.843.000.000	-	1.843.000.000	1.843.000.000	-

(\*\*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với 184.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 4,51% vốn điều lệ của Công ty này.

Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 của Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh. Theo đó, Công ty chưa đánh giá lại giá trị khoản đầu tư này tại ngày 30/06/2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>Tại 01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>3.632.210.000</b>	<b>1.162.954.656</b>
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	2.043.235.000	1.106.509.656
- Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	1.413.720.000	34.445.000
- Công ty CP XD TM&DV Tân Trường Thịnh	165.000.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	10.255.000	-
- Trần Hữu Nghĩa	-	22.000.000
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.456.955.000</b>	<b>1.140.954.656</b>
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	2.043.235.000	1.106.509.656
- Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh	1.413.720.000	34.445.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**8. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.055.254.787</b>	-	<b>3.843.211.161</b>	-
- Lãi dự thu ngân hàng	2.754.964.442	-	1.526.852.361	-
+ Ngân hàng Công Thương Tây Ninh	277.270.833	-	137.152.778	-
+ Ngân Hàng Bản Việt Tây Ninh	343.851.667	-	180.661.111	-
+ Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	482.918.056	-	145.211.111	-
+ Ngân Hàng Đầu Tư Và Phát Triển Tây Ninh	183.609.167	-	80.434.028	-
+ Ngân hàng Ngoại Thương VN - CN Tây Ninh	219.384.998	-	204.444.444	-
+ Ngân Hàng Đại Chúng Tây Tây Ninh	564.278.889	-	523.478.056	-
+ Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	30.373.333	-	16.575.000	-
+ Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Ninh	230.711.111	-	113.422.222	-
+ Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	28.737.500	-	28.737.500	-
+ Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	26.599.444	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM- CN Tây Ninh	367.229.444	-	96.736.111	-
- Tiền thuế TNCN	30.549.999	-	68.824.756	-
- Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	-	-	766.700.333	-
- Công ty TNHH Bia và NGK Việt Nam	-	-	15.120.000	-
- Phải thu người lao động	269.740.346	-	131.169.789	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	1.334.543.922	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.055.254.787</b>	-	<b>3.843.211.161</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.225.752.755	(111.231.749)	3.545.619.993	(111.231.749)
<b>Cộng</b>	<b>4.225.752.755</b>	<b>(111.231.749)</b>	<b>3.545.619.993</b>	<b>(111.231.749)</b>

**10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại 01/01/2016	61.425.003.752	156.831.332.470	3.346.861.703	5.127.428.311	1.734.727.569	228.465.353.805
- Mua trong kỳ	-	212.841.963	961.923.636	-	-	1.174.765.599
- Đầu tư XDCB hoàn thành	327.906.208	-	-	-	-	327.906.208
- Tăng do quyết toán	-	33.226.000	-	-	-	33.226.000
Tại 30/06/2016	<b>61.752.909.960</b>	<b>157.077.400.433</b>	<b>4.308.785.339</b>	<b>5.127.428.311</b>	<b>1.734.727.569</b>	<b>230.001.251.612</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại 01/01/2016	26.488.031.282	80.610.510.814	1.376.998.576	2.222.322.138	614.113.707	111.311.976.517
- Khấu hao trong kỳ	2.647.189.178	6.238.140.074	239.545.927	298.951.625	133.702.848	9.557.529.652
Tại 30/06/2016	<b>29.135.220.460</b>	<b>86.848.650.888</b>	<b>1.616.544.503</b>	<b>2.521.273.763</b>	<b>747.816.555</b>	<b>120.869.506.169</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại 01/01/2016	<b>34.936.972.470</b>	<b>76.220.821.656</b>	<b>1.969.863.127</b>	<b>2.905.106.173</b>	<b>1.120.613.862</b>	<b>117.153.377.288</b>
Tại 30/06/2016	<b>32.617.689.500</b>	<b>70.228.749.545</b>	<b>2.692.240.836</b>	<b>2.606.154.548</b>	<b>986.911.014</b>	<b>109.131.745.443</b>

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 58.574.456.396 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**11. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<b>827.662.326</b>	<b>827.662.326</b>	<b>411.192.544</b>	<b>411.192.544</b>
+ Chi phí Công trình Khu VP Công ty	250.135.692	250.135.692	-	-
+ Chi phí nâng cấp máng trượt	14.685.000	14.685.000	-	-
+ Chi phí Công trình Cung cấp Nước sinh hoạt	128.693.636	128.693.636	-	-
+ Chi phí lập báo cáo KTKT công trình công-hàng rào	-	-	9.090.909	9.090.909
+ Chi phí tư vấn thẩm tra công trình công-hàng rào	-	-	3.636.364	3.636.364
+ Chi phí thẩm định giá bảng pano	2.750.000	2.750.000	2.750.000	2.750.000
+ Chi phí BQLDA công trình văn phòng Công ty	9.185.455	9.185.455	9.185.455	9.185.455
+ Chi phí khảo sát địa chất văn phòng công ty	117.192.727	117.192.727	105.473.636	105.473.636
+ Chi phí BQLDA cáp treo lên đỉnh	136.155.271	136.155.271	112.191.635	112.191.635
+ Chi phí tư vấn khảo sát cáp treo lên đỉnh	168.864.545	168.864.545	168.864.545	168.864.545
<b>Cộng</b>	<b>827.662.326</b>	<b>827.662.326</b>	<b>411.192.544</b>	<b>411.192.544</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>904.768.898</b>	<b>450.613.212</b>
- Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	245.648.844	277.489.110
- Chi phí vật tư sửa chữa	64.312.050	128.624.102
- Chi phí in lịch	22.250.000	44.500.000
- Phụ cấp đồng phục	314.391.954	-
- Tiền thuê đất SXKD	258.166.050	-
<b>Dài hạn</b>	<b>618.594.166</b>	<b>643.866.272</b>
- Tiền thuê đất đặt quảng cáo	54.191.658	41.374.991
- Chi phí xây bờ kè chống sạt lở 1 trụ tuyến máng trượt	1.060.607	7.424.243
- Giá trị công cụ năm 2014	57.380.232	168.656.197
- Giá trị công cụ năm 2015	78.323.966	128.203.928
- Giá trị công cụ năm 2016	126.080.433	-
- Chi phí sửa chữa cổng chào cáp treo	10.720.909	-
- Chi phí quảng cáo trên sân vận động Tây Ninh	42.613.636	-
- Chi phí sửa chữa vỉa hè, bậc cấp, mái che ga trên cáp	33.596.362	53.754.184
- Phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	208.784.543	238.610.909
- Phí thay cáp tuyến cáp treo	5.841.820	5.841.820
<b>Cộng</b>	<b>1.523.363.064</b>	<b>1.094.479.484</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
		VND		VND
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>932.000.957</b>	<b>932.000.957</b>	<b>1.633.603.453</b>	<b>1.633.603.453</b>
- Công ty CP Công nghệ Môi trường & Xây Dựng Saigon	217.080.240	217.080.240	708.148.800	708.148.800
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng TM & DV Tân Trường Thịnh	-	-	260.250.000	260.250.000
- Công ty TNHH Kim Sơn	-	-	383.000.000	383.000.000
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	673.500.000	673.500.000	82.000.000	82.000.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	41.420.717	41.420.717	200.204.653	200.204.653
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>673.500.000</b>	<b>673.500.000</b>	<b>82.000.000</b>	<b>82.000.000</b>
- Công ty CP Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh	673.500.000	673.500.000	82.000.000	82.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 30/06/2016
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	9.941.028.027	9.488.026.439	453.001.588
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	103.121.406	103.121.406	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	14.967.628.818	8.000.000.000	6.967.628.818
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	516.332.102	516.332.102	-
- Các loại thuế khác	-	154.996.500	17.318.833	137.677.667
<b>Cộng</b>	-	<b>25.683.106.853</b>	<b>18.124.798.780</b>	<b>7.558.308.073</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.530.841.346	1.530.841.346	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	41.233.904	33.867.197	-	7.366.707
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	11.742.105	-	-	11.742.105
- Phí, lệ phí và các khoản phải thu khác	38.224.500	38.224.500	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.622.041.855</b>	<b>1.602.933.043</b>	-	<b>19.108.812</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.183.919.653</b>	<b>66.555.713</b>
- Trích trước quỹ phòng chống thiên tai	39.055.713	39.055.713
- Tiền thuê văn phòng làm việc	45.454.546	-
- Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tây Ninh	1.072.409.394	-
- Chi phí phải trả khác	27.000.000	27.500.000
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.183.919.653</b>	<b>66.555.713</b>

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>161.326.634</b>	<b>15.090.909</b>
- Công ty Cổ phần Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (doanh thu quảng cáo)	121.030.780	3.474.471
- Trần Hữu Nghĩa (doanh thu cho thuê vườn cây)	1.659.491	11.616.438
- Nguyễn Thị Trang (doanh thu khoán 3 nhà vệ sinh)	22.727.272	-
- Nguyễn Văn Út (doanh thu khoán 1 nhà vệ sinh)	15.909.091	-
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>161.326.634</b>	<b>15.090.909</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>70.779.200</b>	<b>2.230.583.095</b>
- Bảo hiểm xã hội	-	22.446.390
- Tiền bảo hành, bảo lãnh	70.779.200	91.772.450
- Công ty TNHH Bia và Nước giải khát VN	-	766.700.333
- Công ty CP Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (tiền cược vỏ chai bia)	-	15.120.000
- Công ty CP Du lịch - Thương Mại Tây Ninh (tiền thế chấp vỏ chai bia)	-	1.334.543.922
<b>b) Dài hạn</b>	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>70.779.200</b>	<b>2.230.583.095</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2015</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>32.580.364.800</b>	<b>52.076.099.804</b>	<b>212.536.464.604</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	57.725.912.435	57.725.912.435
- Chia cổ tức 2014	-	-	(31.970.000.000)	(31.970.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2014	-	19.106.099.804	(19.106.099.804)	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015	-	-	(3.138.399.420)	(3.138.399.420)
- Thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận 2014	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
- Tạm chia cổ tức năm 2015	-	-	(19.182.000.000)	(19.182.000.000)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	(540.000.000)	(540.000.000)
<b>Tại 31/12/2015</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.686.464.604</b>	<b>34.865.513.015</b>	<b>214.431.977.619</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>51.686.464.604</b>	<b>34.865.513.015</b>	<b>214.431.977.619</b>
- Lãi trong kỳ	-	-	65.750.288.367	65.750.288.367
- Chia cổ tức năm 2015 (1)	-	-	(12.788.000.000)	(12.788.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2015 (1)	-	20.913.513.015	(20.913.513.015)	-
- Thưởng HĐQT, Ban Kiểm soát từ lợi nhuận 2015 (1)	-	-	(1.164.000.000)	(1.164.000.000)
- Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016	-	-	(1.652.835.609)	(1.652.835.609)
- Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	(265.000.000)	(265.000.000)
<b>Tại 30/06/2016</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>72.599.977.619</b>	<b>63.832.452.758</b>	<b>264.312.430.377</b>

(1) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/05/2016 của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Công ty Cổ Phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh	51%	65.220.800.000	51%	65.220.800.000
Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Tây Ninh	9%	12.000.000.000	9%	12.000.000.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam	7%	8.459.600.000	7%	8.459.600.000
Cổ đông khác	33%	42.199.600.000	33%	42.199.600.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>127.880.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>127.880.000.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	127.880.000.000	127.880.000.000
+ Vốn góp đầu năm	127.880.000.000	127.880.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	127.880.000.000	127.880.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.788.000.000	-

**18.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.788.000	12.788.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.788.000	12.788.000
+ 'Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.788.000	12.788.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**18.5 CÁC QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP**

	Tại 30/06/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	72.599.977.619	51.686.464.604



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>109.347.360.495</b>	<b>116.607.516.845</b>
Doanh thu vận chuyển	106.602.911.787	92.657.093.676
Doanh thu quảng cáo	97.443.690	209.217.647
Doanh thu bán hàng hóa (Bia)	2.221.138.980	23.702.569.158
Doanh thu khác	425.866.038	38.636.364
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>4.801.298.071</b>	<b>26.235.532.229</b>
+ Công ty CP Du lịch - Thương mại Tây Ninh	3.547.411.707	25.531.068.593
+ Công ty CP Lữ hành Tây Ninh	1.253.886.364	704.463.636

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Giá vốn hoạt động vận chuyển	12.444.935.580	12.398.513.225
Giá vốn hoạt động quảng cáo	11.375.678	27.943.722
Giá vốn bán hàng hóa (Bia)	2.218.747.320	23.678.015.809
Giá vốn hoạt động khác	362.213.080	5.160.386
<b>Cộng</b>	<b>15.037.271.658</b>	<b>36.109.633.142</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.758.216.868	2.887.917.909
<b>Cộng</b>	<b>3.758.216.868</b>	<b>2.887.917.909</b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá thuê chuyên gia	-	15.833.749
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>15.833.749</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thanh lý công cụ dụng cụ	-	1.227.273
Tiền điện các hộ kinh doanh	80.331.818	53.126.728
Tiền nước các hộ kinh doanh	44.340.913	21.256.818
Cho thuê vườn cây	-	16.818.181
Thu nhập khác	2.056	1.810
<b>Cộng</b>	<b>124.674.787</b>	<b>92.430.810</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>4.564.621.713</b>	<b>3.919.255.463</b>
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	2.313.969.853	2.041.200.000
- Phụ cấp tiền công ngoài giờ	461.337.500	471.875.306
- Chi phí quản lý khác	1.789.314.360	1.406.180.157
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>11.393.903.318</b>	<b>10.262.913.936</b>
- Chi phí lương cán bộ nhân viên	4.297.372.583	3.790.800.000
- Phụ cấp tiền công ngoài giờ	1.139.460.000	1.126.971.885
- Chi phí dịch vụ môi trường rừng	1.072.409.394	-
- Chi phí dịch vụ xe ô tô	-	1.057.637.188
- Chi phí bán hàng khác	4.884.661.341	4.287.504.863
<b>c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.896.868.038	1.445.494.198
Chi phí nhân công	10.553.735.020	8.475.283.177
Khấu hao tài sản cố định	9.799.045.987	10.708.910.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.158.690.386	2.507.554.610
Chi phí bằng tiền khác	4.587.457.258	3.494.067.271
<b>Cộng</b>	<b>30.995.796.689</b>	<b>26.631.309.567</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>82.234.455.461</b>	<b>69.280.229.274</b>
<b>Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>339.541.979</b>	<b>1.069.788.796</b>
- Chi phí không được trừ	178.215.345	24.000.000
- Chi phí phải trả	-	737.863.636
- Doanh thu chưa thực hiện	161.326.634	307.925.160
<b>Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>(81.646.622)</b>	<b>(159.613.717)</b>
- Chi phí phải trả năm trước	(66.555.713)	(53.980.000)
- Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(15.090.909)	(105.633.717)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế trong năm</b>	<b>82.492.350.818</b>	<b>70.190.404.353</b>
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16.498.470.164	15.441.888.958
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>16.498.470.164</b>	<b>15.441.888.958</b>

**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(32.265.327)	(230.073.535)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	17.962.257	35.115.017
<b>Cộng</b>	<b>(14.303.070)</b>	<b>(194.958.518)</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	65.750.288.367	54.033.298.834
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.652.835.609)	(1.458.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.788.000	12.788.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>5.012</b>	<b>4.111</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	65.750.288.367	54.033.298.834
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(1.652.835.609)	(1.458.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.788.000	12.788.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>5.012</b>	<b>4.111</b>

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.163.664.278	6.644.760.935
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	143.750.000.000	85.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.387.174.442	4.874.996.028
Đầu tư dài hạn	1.843.000.000	1.843.000.000
<b>Cộng</b>	<b>157.143.838.720</b>	<b>99.062.756.963</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.002.780.157	3.841.740.158
Chi phí phải trả	1.183.919.653	66.555.713
<b>Cộng</b>	<b>2.186.699.810</b>	<b>3.908.295.871</b>

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính.

**Rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá do thiếu thị trường mua, bán các công cụ tài chính này.

**Rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong kỳ Công ty không có các khoản vay.

**Rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	<b>Từ 01 năm trở xuống VND</b>	<b>Trên 01 năm VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.002.780.157	-	1.002.780.157
Chi phí phải trả	1.183.919.653	-	1.183.919.653
<b>Cộng</b>	<b>2.186.699.810</b>	<b>-</b>	<b>2.186.699.810</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	3.841.740.158	-	3.841.740.158
Chi phí phải trả	66.555.713	-	66.555.713
<b>Cộng</b>	<b>3.908.295.871</b>	<b>-</b>	<b>3.908.295.871</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 30/06/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.163.664.278	-	5.163.664.278
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	143.750.000.000	-	143.750.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.387.174.442	-	6.387.174.442
Đầu tư dài hạn	-	1.843.000.000	1.843.000.000
<b>Cộng</b>	<b>155.300.838.720</b>	<b>1.843.000.000</b>	<b>157.143.838.720</b>
<b>Tại 01/01/2016</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.644.760.935	-	6.644.760.935
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	85.700.000.000	-	85.700.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.874.996.028	-	4.874.996.028
Đầu tư dài hạn	-	1.843.000.000	1.843.000.000
<b>Cộng</b>	<b>97.219.756.963</b>	<b>1.843.000.000</b>	<b>99.062.756.963</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Kinh doanh vận chuyển VND	Kinh doanh quảng cáo VND	Kinh doanh bia VND	Dịch vụ khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	106.602.911.787	107.400.637	2.221.138.980	415.909.091	109.347.360.495
<b>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>106.602.911.787</b>	<b>107.400.637</b>	<b>2.221.138.980</b>	<b>415.909.091</b>	<b>109.347.360.495</b>
Chi phí bộ phận	(12.444.935.580)	(11.375.678)	(2.218.747.320)	(362.213.080)	(15.037.271.658)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>94.157.976.207</b>	<b>96.024.959</b>	<b>2.391.660</b>	<b>53.696.011</b>	<b>94.310.088.837</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	-	<b>94.310.088.837</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	3.758.216.868
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(11.393.903.318)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(4.564.621.713)
Thu nhập khác	-	-	-	-	124.674.787
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(16.498.470.164)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	14.303.070
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	<b>65.750.288.367</b>
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	<b>276.167.259.634</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	<b>11.854.829.257</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp):

Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Kinh doanh vận chuyển	Kinh doanh quảng cáo	Kinh doanh bia	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	92.657.093.676	209.217.647	23.702.569.158	38.636.364	116.607.516.845
<b>Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>92.657.093.676</b>	<b>209.217.647</b>	<b>23.702.569.158</b>	<b>38.636.364</b>	<b>116.607.516.845</b>
Chi phí bộ phận	(12.398.513.225)	(27.943.722)	(23.678.015.809)	(5.160.386)	(36.109.633.142)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>80.258.580.451</b>	<b>181.273.925</b>	<b>24.553.349</b>	<b>33.475.978</b>	<b>80.497.883.703</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	-	-	-	-	<b>80.497.883.703</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	2.887.917.909
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(15.833.749)
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	(10.262.913.936)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	(3.919.255.463)
Thu nhập khác	-	-	-	-	92.430.810
Chi phí khác	-	-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(15.441.888.958)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	194.958.518
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	-	-	-	-	<b>54.033.298.834</b>
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	-	<b>275.660.317.000</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	<b>11.818.553.562</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**32.1 NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**32.2 KHOẢN CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**Cam kết thuê hoạt động**

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê đất số 05/05HĐ-TĐ.ĐC ngày 26 tháng 5 năm 2008 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 2 khu đất, thời hạn 50 năm bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2007, chi tiết cụ thể:

+ Diện tích đất 19.093,8 m<sup>2</sup> tại ấp Phước Long 2, xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 2.786,875 VND/m<sup>2</sup>/năm; sau mét thứ 100, đơn giá thuê là 1.393,4375 VND/m<sup>2</sup>/năm;

+ Diện tích đất 266.041,1 m<sup>2</sup> tại ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Tân, thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, đơn giá thuê đất từ mét thứ 1 đến mét thứ 100 là 1.564,0625 VND/m<sup>2</sup>/năm; sau mét thứ 100, đơn giá là 782,03125 VND/m<sup>2</sup>/năm.

- Hợp đồng thuê đất số 01/05/HĐ-TĐ ngày 8 tháng 5 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 13.242,4 m<sup>2</sup> đất tại xã Phan, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với thời hạn thuê 50 năm từ ngày 31 tháng 3 năm 2009, đơn giá thuê là 5.424 VND/m<sup>2</sup>/năm.

**32.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****32.4 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Các bên liên quan**

- Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh
- Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh
- Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
- Ông Trần Trung Kiên

**Mối quan hệ**

- Công ty mẹ
- Công ty có cùng Công ty mẹ
- Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Giám đốc

**Giao dịch với các bên liên quan****Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh**

- Mua hàng

- Cổ tức đã trả

**Cty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh**

- Mua hàng

**Cty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh**

- Mua hàng

**Số dư với các bên liên quan****Cty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh**

- Phải thu khách hàng

- Người mua trả tiền trước

- Phải thu khác

- Phải trả người bán

- Phải trả khác

**Công ty CP Lữ hành Tây Ninh**

- Phải thu khách hàng

- Trả trước người bán

**Thu nhập Ban điều hành**

Thù lao Hội Đồng Quản Trị và Ban kiểm soát

Trích thưởng

Tổng thu nhập Ban Giám đốc

**Cộng****Từ 01/01/2016****đến 30/06/2016****VND****Từ 01/01/2015****đến 30/06/2015****VND**

2.786.436.364

25.887.015.809

6.522.080.000

-

38.181.818

-

23.905.455

321.933.182

**Tại 30/06/2016****Tại 01/01/2016****VND****VND**

2.043.235.000

1.106.509.656

-

1.576.423.184

-

766.700.333

676.900.000

82.000.000

-

1.349.663.922

1.413.720.000

34.445.000

100.000.000

-

**Từ 01/01/2016****đến 30/06/2016****VND****Từ 01/01/2015****đến 30/06/2015****VND**

265.000.000

210.000.000

1.164.000.000

749.100.000

522.963.756

885.993.052

**3.096.223.834****1.845.093.052**



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.5 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

**32.6 MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại 30/06/2016	Tại 01/01/2016
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn</b>			
<b>1.1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
- Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	59,28	53,49
- Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	40,72	46,51
<b>1.2. Bố trí cơ cấu vốn</b>			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	4,29	4,29
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	95,71	95,71
<b>2. Khả năng thanh toán</b>			
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	13,81	12,48
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	13,46	12,16
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,44	5,69
Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	75,20	59,41
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu	%	60,13	46,34
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân</b>			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản bình quân	%	32,76	27,94
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	26,20	21,79
<b>3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH bình quân</b>			
	%	27,47	22,69



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**32. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.7 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 của Công ty đã được soát xét.

**Người lập biểu**



**Lâm Thị Ngọc Châu**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Song Giang**

*Tây Ninh, ngày 08 tháng 08 năm 2016*



**Giám đốc**

**Trần Trung Kiên**

